

Bảo tồn Di sản Phật giáo - nguồn lực văn hóa trong kỷ nguyên vươn mình

ISSN: 2734-9195 15:25 01/09/2026

Vấn đề còn lại là cách chúng ta hành động. Không đóng cửa di sản để bảo tồn. Không mở cửa di sản để khai thác bằng mọi giá. Mà làm cho mỗi giá trị được bảo tồn có khả năng sinh ra tri thức, sáng tạo, sinh kế, bản sắc và sức mạnh mềm

Tác giả: **Đặng Thị Khương**[1], **Trần Ngọc Anh**[2]

Tóm tắt

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, Phật giáo không chỉ hiện diện với tư cách một tôn giáo. Phật giáo đã tham gia sâu vào đời sống văn hóa, tư tưởng, nghệ thuật và xã hội, để lại một hệ thống di sản phong phú gồm chùa, tháp, tượng, bia ký, mộc bản, kinh sách, nghi lễ, lễ hội, âm nhạc, nghệ thuật tạo hình, cảnh quan văn hóa, tri thức và những truyền thống thực hành được trao truyền qua nhiều thế hệ.

Bảo tồn di sản Phật giáo không chỉ là bảo vệ những công trình kiến trúc hay những hiện vật khảo cổ học. Trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vấn đề lớn hơn được đặt ra là: làm thế nào để những giá trị được bảo tồn tiếp tục tham gia vào đời sống đương đại, bồi đắp con người, tạo dựng bản sắc, thúc đẩy sáng tạo, gia tăng sức hấp dẫn của quốc gia và trở thành một nguồn lực mềm cho phát triển bền vững?

Đó cũng là cách tiếp cận phù hợp với tư duy phát triển được xác lập tại Đại hội XIV của Đảng và đang từng bước được thể chế hóa bằng những quyết sách mới của Quốc hội. Từ đối tượng cần bảo vệ đến nguồn lực cho phát triển.

Từ khóa: Phật giáo, di sản Phật giáo, nguồn lực nội sinh, sức mạnh mềm.

I. Đặt vấn đề

Một trong những chuyển biến quan trọng trong tư duy phát triển văn hóa hiện nay là không đặt văn hóa ở bên ngoài quá trình phát triển kinh tế - xã hội, cũng không coi văn hóa chỉ là lĩnh vực thụ hưởng thành quả của tăng trưởng.

Nghị quyết Đại hội Đại biểu Toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định *“phát triển văn hóa, con người là nền tảng”, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu phát huy sức mạnh văn hóa, con người thành “nguồn lực nội sinh và động lực mạnh mẽ cho sự phát triển”* (NQ Đại hội XIV).

Đây là một bước phát triển rất đáng chú ý trong tư duy về vị trí của văn hóa. Nếu văn hóa là nguồn lực nội sinh thì di sản - sự kết tinh lớp sâu nhất của ký ức lịch sử, bản sắc và hệ giá trị dân tộc chính là một bộ phận đặc biệt quan trọng của nguồn lực ấy.

Trước thềm Đại hội XIV, NQ số 80-NQ/TW ngày 7/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam đã xác định *“văn hóa Việt Nam là nguồn lực nội sinh quan trọng, đồng thời đặt mục tiêu nâng cao sức mạnh mềm quốc gia, phát triển công nghiệp văn hóa, kinh tế sáng tạo, gắn văn hóa với du lịch, thương mại và công nghệ để hình thành các chuỗi giá trị mới”* (Nghị quyết 80).

II. Di sản Phật giáo - để kiến tạo nguồn lực nội sinh

1. Cách nhìn mới về bảo tồn Di sản Phật giáo

Đối với di sản Phật giáo, sự thay đổi cách nhìn ấy có ý nghĩa đặc biệt. Một ngôi chùa cổ không chỉ là một công trình cần tu bổ. Trong đó có lịch sử kiến trúc, mỹ thuật, điêu khắc, kỹ thuật xây dựng, bia ký, thư tịch, ký ức cộng đồng và cảnh quan lịch sử.

Một bộ mộc bản không chỉ là những tấm gỗ cần bảo quản trong kho. Trong đó có tri thức, văn tự, tư tưởng, lịch sử kỹ thuật in, lịch sử giáo dục và khả năng hình thành những sản phẩm nghiên cứu, giáo dục, trưng bày và văn hóa số.

Một lễ hội Phật giáo không chỉ là hoạt động tín ngưỡng diễn ra định kỳ. Trong đó tồn tại ký ức cộng đồng, nghi lễ, nghệ thuật trình diễn, ẩm thực, nghề thủ công và những mạng lưới liên kết xã hội.

Một trung tâm Phật giáo cổ không chỉ là một điểm hành hương. Nó có thể trở thành không gian để kể câu chuyện về lịch sử quốc gia, tư tưởng Việt Nam, quan hệ giữa con người với thiên nhiên và sự giao lưu văn hóa giữa Việt Nam với khu vực.

Bảo tồn là điều kiện đầu tiên nhưng không phải đích đến cuối cùng của di sản. Bảo tồn tốt phải mở đường cho phát huy giá trị; còn phát huy đúng cách lại tạo thêm nguồn lực để tiếp tục bảo tồn. Đó là một vòng tuần hoàn tích cực: Xuất phát từ công tác Bảo tồn sẽ nhận diện đúng, trúng, giá trị của di sản, kết hợp với những nghiên cứu và diễn giải của giới chuyên môn dựa trên cách tiếp cận xã hội, ý thức hệ của cộng đồng để tạo nên những sáng tạo giá trị mới dựa trên hồn cốt giá trị thực từ đó tạo nguồn lực tài chính, nhân sự rồi lại quay về tái đầu tư cho bảo tồn.



2. Luật Di sản sửa đổi đang mở ra một không gian mới cho di sản

Tư duy mới về phát triển văn hóa không dừng ở chủ trương mà đang được thể chế hóa khá rõ trong hệ thống pháp luật.

Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 23/11/2024 và có hiệu lực từ ngày 1/7/2025 đặt việc bảo vệ và phát huy giá trị trong một chỉnh thể thống nhất. Luật quy định việc bảo vệ, phát huy giá trị di sản phải được lồng ghép vào chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh

tế - xã hội; đồng thời xác định Nhà nước giữ vai trò chủ đạo nhưng huy động các nguồn lực xã hội tham gia bảo vệ và phát huy giá trị di sản.

Điều này rất quan trọng. Nó cho phép chúng ta vượt khỏi tư duy trong đó bảo tồn chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước và từng dự án tu bổ riêng lẻ, để hướng tới một hệ sinh thái trong đó Nhà nước, cộng đồng, cơ sở tôn giáo, nhà khoa học, doanh nghiệp sáng tạo và người dân cùng tham gia.

Một trụ cột chính sách khác là Nghị quyết số 162/2024/QH15 của Quốc hội về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035. Chương trình dành nguồn lực cho bảo tồn và phát huy di sản, chuyển đổi số văn hóa, phát triển công nghiệp văn hóa và cho phép hỗ trợ các dự án do doanh nghiệp, hợp tác xã, cộng đồng, tổ chức và cá nhân thực hiện trong lĩnh vực phục hồi, bảo vệ, phát huy giá trị di sản. Đến năm 2035, chương trình đặt mục tiêu phấn đấu hoàn thành tu bổ, tôn tạo 100% di tích quốc gia đặc biệt và ít nhất 80% di tích quốc gia; đồng thời đặt mục tiêu các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp khoảng 8% GDP.

Ngày 5/5/2026, Quốc hội khóa XVI ban hành Nghị quyết số 28/2026/QH16 về phát triển văn hóa Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 1/7/2026. Nghị quyết thiết lập nhiều chính sách mới về đầu tư, tài chính, công nghiệp sáng tạo, dữ liệu văn hóa, phát triển các mô hình không gian sáng tạo và bảo tồn di sản; đồng thời mở thêm những cơ chế huy động nguồn lực xã hội vào phát triển văn hóa.

Đặt các chính sách này cạnh Nghị quyết Đại hội XIV có thể nhận thấy một chuyển động chính sách khá rõ: Nhà nước không chỉ bỏ nguồn lực để bảo tồn văn hóa, mà đang từng bước tạo thể chế để chính văn hóa có khả năng sản sinh nguồn lực cho sự phát triển. Đây chính là cơ hội mới đối với di sản Phật giáo.

Di sản Phật giáo không chỉ là ký ức, hiện hữu đồng hành cùng những sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân mà còn có thể trở thành sức mạnh, nguồn lực trong công cuộc kiến thiết quốc gia.

3. Từ di sản Phật giáo đến nguồn lực mềm của quốc gia

Trước hết, chúng ta cần nhận định rõ: Giá trị của di sản không đồng nhất với giá tiền của di sản. Điều làm nên sức mạnh đặc biệt của di sản Phật giáo trước hết nằm ở khả năng tạo ra những giá trị khó đo đếm bằng tiền: ký ức lịch sử, bản sắc, niềm tin, đạo đức, sự gắn kết cộng đồng, hiểu biết về dân tộc và sức hấp dẫn văn hóa. Đó chính là nguồn lực mềm. Nguồn lực ấy trước hết có thể được chuyển hóa thành nguồn lực giáo dục.

Một hệ thống chùa, tháp, tượng, bia ký và di tích Phật giáo nếu được nghiên cứu và diễn giải tốt có thể trở thành một “trường học lịch sử” ngoài nhà trường. Ở đó, thế hệ trẻ không chỉ được nhìn thấy một hiện vật cổ mà có thể hiểu một giai đoạn lịch sử; không chỉ tham quan một ngôi chùa mà hiểu thêm về kiến trúc, nghệ thuật, mỹ thuật, văn tự và tư tưởng của cha ông. Đây chính là hình thức làm cho di sản tiếp tục tham gia vào quá trình xây dựng con người Việt Nam hiện đại mà vẫn giàu bản sắc - một yêu cầu quan trọng của định hướng phát triển sau Đại hội XIV.

Nguồn lực ấy đồng thời có thể trở thành nguồn lực sáng tạo. Những hoa văn trên kiến trúc Phật giáo, nghệ thuật điêu khắc, thư pháp, mộc bản, tranh thờ, đồ thờ, âm nhạc, câu chuyện lịch sử và hệ thống biểu tượng có thể trở thành chất liệu cho thiết kế, mỹ thuật, điện ảnh, xuất bản, hoạt hình, trò chơi, thời trang, sản phẩm lưu niệm, triển lãm số và những sản phẩm công nghiệp văn hóa mới. Điều cần khai thác ở đây không phải bản thân vật thiêng, mà là tri thức và giá trị sáng tạo chứa đựng trong di sản. Đó là sự khác biệt căn bản giữa thương mại hóa di sản và tạo giá trị từ di sản.

Di sản Phật giáo có thể tạo ra một nền kinh tế trải nghiệm có chiều sâu. Trong nhiều năm, việc khai thác giá trị kinh tế của di sản thường được nhìn chủ yếu thông qua số lượng khách du lịch, vé tham quan và các dịch vụ đi kèm. Nhưng trong nền kinh tế sáng tạo, giá trị lớn hơn nằm ở chất lượng trải nghiệm và hàm lượng tri thức. Thay vì chỉ đưa du khách đến một ngôi chùa, có thể hình thành tuyến tìm hiểu kiến trúc Phật giáo Việt Nam. Thay vì chỉ tổ chức lễ hội, có thể xây dựng chương trình diễn giải lịch sử của lễ hội và vai trò của cộng đồng sở hữu di sản. Thay vì chỉ bán đồ lưu niệm, có thể phát triển những sản phẩm thiết kế được nghiên cứu từ hoa văn và nghệ thuật truyền thống, có bản quyền và câu chuyện văn hóa rõ ràng. Thay vì chỉ xem tượng Phật như một điểm check-in, công nghệ số có thể giúp người xem nhận biết phong cách nghệ thuật, kỹ thuật tạo tác, niên đại và bối cảnh lịch sử của tác phẩm. Thay vì để khách đến rồi rời đi sau vài giờ, có thể tạo những hành trình văn hóa kết nối di sản Phật giáo với làng nghề, cảnh quan, ẩm thực, bảo tàng, khảo cổ học và đời sống cộng đồng.

Khi đó, giá trị kinh tế không còn được tạo ra bằng việc đưa thật nhiều người vào không gian di tích, mà bằng việc tăng hàm lượng văn hóa trong mỗi trải nghiệm. Cách tiếp cận này vừa nâng cao giá trị kinh tế, vừa giảm áp lực vật lý đối với di sản.

4. Số hóa để di sản vượt khỏi giới hạn của không gian vật chất

Một phương diện quan trọng khác là chuyển đổi số di sản di tích lịch sử - văn hóa nói chung, di sản Phật giáo nói riêng. Di sản vật chất luôn có giới hạn về sức chứa. Một pho tượng cổ không thể được hàng triệu người cùng tiếp xúc. Một bản mộc bản quý không thể liên tục được đưa ra trưng bày. Một di tích không thể đón lượng khách tăng vô hạn mà không gây áp lực lên tính nguyên gốc và cảnh quan. Nhưng bản sao số, cơ sở dữ liệu, mô hình 3D, bảo tàng số, triển lãm trực tuyến và các công cụ diễn giải thông minh có thể mở rộng khả năng tiếp cận gần như không giới hạn.

Nghị quyết 28/2026/QH16 đã đặt cơ sở dữ liệu quốc gia về văn hóa, thư viện số và những mô hình văn hóa mới trong hệ thống chính sách phát triển văn hóa hiện nay.

Đối với di sản Phật giáo, số hóa vì thế không nên chỉ được hiểu là chụp ảnh để lưu hồ sơ. Cần tiến tới xây dựng tài nguyên văn hóa số. Một pho tượng được số hóa chính xác có thể phục vụ đồng thời bảo tồn, nghiên cứu, giáo dục, trưng bày và sáng tạo. Một bia ký được số hóa có thể kết nối ảnh chụp, bản dập, phiên âm, dịch nghĩa, dữ liệu nhân vật và địa danh. Một di tích có thể được tái hiện qua các giai đoạn lịch sử khác nhau.

Một cơ sở dữ liệu Phật giáo Việt Nam có thể trở thành nguồn tài nguyên quan trọng cho nghiên cứu trong nước và quốc tế. Khi đó, di sản không còn bị giới hạn trong địa điểm vật lý mà có thêm một đời sống mới trong không gian số.

5. Di sản Phật giáo là một nguồn lực đặc biệt của sức mạnh mềm Việt Nam

Phật giáo có một lợi thế mà không phải loại hình di sản nào cũng có: khả năng kết nối xuyên biên giới. Lịch sử Phật giáo Việt Nam từ rất sớm đã nằm trong những mạng lưới giao lưu rộng lớn giữa Việt Nam với Ấn Độ, Trung Hoa, Đông Nam Á và Đông Á.

Trong thế giới đương đại, những kết nối ấy có thể tiếp tục được mở rộng thông qua nghiên cứu khoa học, triển lãm, hội nghị quốc tế, giao lưu Phật giáo, hành hương và các chương trình hợp tác bảo tồn.

Trong bối cảnh Nghị quyết 80-NQ/TW đặt mục tiêu nâng cao thứ hạng sức mạnh mềm của Việt Nam và xây dựng những thương hiệu văn hóa có sức lan tỏa quốc tế, di sản Phật giáo có thể trở thành một trong những phương tiện đặc biệt để kể câu chuyện Việt Nam với thế giới.

Nhưng câu chuyện đó không nên chỉ là Việt Nam có nhiều ngôi chùa đẹp. Điều có sức thuyết phục hơn là giới thiệu cho thế giới một truyền thống Phật giáo đã được Việt hóa trong tiến trình lịch sử; những thành tựu kiến trúc, nghệ thuật và tư tưởng được sáng tạo bởi người Việt; những trung tâm Phật giáo gắn với lịch sử quốc gia; và những giá trị nhân văn vẫn có khả năng đối thoại với những vấn đề của xã hội hiện đại. Đó chính là quá trình chuyển di sản thành hình ảnh quốc gia, hình ảnh quốc gia thành sức hấp dẫn, và sức hấp dẫn thành sức mạnh mềm.

Cộng đồng phải là chủ thể và người hưởng lợi

Muốn di sản thực sự trở thành nguồn lực phát triển thì cộng đồng sống cùng di sản phải được đặt ở vị trí trung tâm.

Một mô hình bảo tồn sẽ khó bền vững nếu lợi ích chủ yếu thuộc về đơn vị khai thác dịch vụ trong khi người dân chỉ chịu áp lực từ khách du lịch, giao thông, ô nhiễm và sự thay đổi của không gian sống. Ngược lại, khi bảo tồn tạo ra việc làm cho hướng dẫn viên địa phương; thị trường cho nghề thủ công; đầu ra cho sản phẩm nông nghiệp; cơ hội cho dịch vụ lưu trú, ẩm thực và vận tải; môi trường cho người trẻ khởi nghiệp từ văn hóa bản địa, thì bảo vệ di sản cũng đồng thời trở thành bảo vệ sinh kế. Đây cũng phù hợp với nguyên tắc của Luật Di sản văn hóa về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân trong bảo vệ, phát huy giá trị di sản, cũng như chủ trương huy động nguồn lực xã hội cho công tác này.

Cần tiến thêm một bước: một phần giá trị kinh tế tạo ra từ di sản phải quay trở lại nuôi dưỡng chính di sản và cộng đồng sở hữu di sản. Nếu không thiết lập được vòng tuần hoàn ấy, “phát huy giá trị” rất dễ trở thành khai thác tài nguyên văn hóa một chiều.

Không biến nguồn lực văn hóa thành lý do để thương mại hóa di sản

Đây là ranh giới cần được xác định rõ nhất. Khẳng định di sản Phật giáo là nguồn lực phát triển không có nghĩa là mọi thành tố của di sản đều có thể biến thành hàng hóa. Không gian thiêng phải được tôn trọng. Hiện vật gốc phải được bảo vệ. Nghi lễ phải được nhìn nhận trong môi trường văn hóa đã sản sinh ra nó. Cảnh quan lịch sử không thể bị phá vỡ để đổi lấy khả năng phục vụ nhiều khách hơn.

Không thể vì nhu cầu du lịch mà phục dựng tùy tiện những yếu tố lịch sử chưa đủ căn cứ khoa học; càng không thể để công trình mới, kiến trúc giả cổ hoặc hoạt động thương mại lấn át giá trị gốc của di tích.

Luật Di sản văn hóa hiện hành nhấn mạnh nguyên tắc bảo đảm tối đa yếu tố gốc cấu thành di tích và tính nguyên gốc của di sản. Vì vậy, công thức đúng không phải là: Di sản → khai thác → lợi nhuận. Mà phải là: Di sản → bảo tồn → tri thức → sáng tạo → giá trị xã hội và kinh tế → tái đầu tư → bảo tồn bền vững. Chính sự khác nhau giữa hai mô hình này quyết định việc chúng ta đang phát huy di sản hay đang tiêu dùng di sản.

III. Sự cần thiết của cơ chế kiến tạo nguồn lực Di sản Phật giáo

Từ tinh thần Đại hội XIV và những khung chính sách mới của Quốc hội, có thể nghĩ tới một chiến lược dài hạn đối với di sản Phật giáo Việt Nam với một số định hướng lớn.

Trước hết, cần tiến hành nhận diện lại tài sản di sản Phật giáo ở quy mô quốc gia, không chỉ kiểm kê di tích mà xây dựng hệ thống dữ liệu liên kết giữa di tích, hiện vật, tư liệu, di sản phi vật thể, nhân vật lịch sử, cảnh quan và cộng đồng. Tiếp đến là, chuyển trọng tâm từ giới thiệu di tích sang diễn giải giá trị di sản.

Các trung tâm lớn cần có những câu chuyện lịch sử được xây dựng trên cơ sở nghiên cứu khoa học, đủ hấp dẫn để công chúng phổ thông tiếp cận nhưng không đơn giản hóa hoặc huyền thoại hóa lịch sử. Thêm vào đó là việc xây dựng hệ sinh thái sáng tạo từ di sản, kết nối nhà nghiên cứu, bảo tàng, cơ sở Phật giáo, trường đại học, nhà thiết kế, doanh nghiệp công nghệ và doanh nghiệp văn hóa. Nhà khoa học cung cấp tri thức; công nghệ mở rộng khả năng tiếp cận; doanh nghiệp chuyển hóa tri thức thành sản phẩm; cộng đồng tham gia và hưởng lợi.

Cần phát triển một số không gian di sản Phật giáo tiêu biểu thành trung tâm nghiên cứu - giáo dục - sáng tạo - giao lưu quốc tế, thay vì chỉ là điểm tham quan và hành hương. Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm, Côn Sơn, Kiếp Bạc được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới theo các tiêu chí (iii) và (vi), là bằng chứng cho sự kết hợp độc đáo giữa nhà nước, tôn giáo và nhân dân trong việc hình thành bản sắc dân tộc Việt Nam; cùng cảnh quan linh thiêng được hình thành thông qua mối tương tác thường xuyên, mật thiết với thiên nhiên và một hệ thống đạo đức dựa trên lòng yêu chuộng hòa bình, tu dưỡng bản thân, lòng khoan dung, nhân ái và sự giao hòa giữa con người và thiên nhiên. Đây là quần thể di tích liên tỉnh thuộc địa bàn các tỉnh Quảng Ninh, Bắc Ninh và Hải Phòng.

Có thể kết hợp với Di sản thế giới liên tỉnh Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà thuộc địa bàn tỉnh Quảng Ninh và Hải Phòng tạo thành chuỗi điểm đến khám phá lịch sử thiên nhiên kỳ vĩ cùng với những nét sinh hoạt văn hóa bản địa phong phú để tìm hiểu về đất nước, con người Việt Nam ở miền Bắc. Ở miền Trung, kết hợp di tích Phật giáo của Thừa Thiên Huế với hệ thống các di tích lịch sử - văn hóa để hiểu hơn về lịch sử, con người miền Trung,

Rất cần phải xây dựng cơ chế để đưa ra một tỷ lệ hợp lý nguồn thu hình thành từ hoạt động phát huy giá trị được tái đầu tư trực tiếp cho bảo tồn, nghiên cứu và cộng đồng.

Cuối cùng, cần xây dựng bộ tiêu chí đánh giá thành công mới. Thành công không chỉ là số khách hay doanh thu, mà phải bao gồm tình trạng bảo tồn, mức độ tham gia của cộng đồng, số hóa dữ liệu, số công trình nghiên cứu, số chương trình giáo dục, sản phẩm sáng tạo được hình thành, việc làm địa phương và khả năng lan tỏa hình ảnh Việt Nam ra thế giới.

Kết luận

Bảo tồn hôm nay là tạo vốn văn hóa cho ngày mai. Trong một thời gian dài, chúng ta thường nhìn di sản từ câu hỏi: cần bao nhiêu nguồn lực để bảo tồn?

Trong kỷ nguyên phát triển mới, cần đặt thêm một câu hỏi khác: Nếu được bảo tồn đúng cách, di sản có thể tạo ra những nguồn lực nào cho đất nước? Hai câu hỏi ấy không đối lập nhau.

Ngược lại, chúng tạo thành một tư duy phát triển hoàn chỉnh hơn. Một di sản được bảo tồn tốt có thể tạo ra tri thức. Tri thức tạo ra giáo dục và sáng tạo. Sáng tạo tạo ra sản phẩm và trải nghiệm văn hóa. Những sản phẩm ấy tạo sinh kế, hình ảnh và sức hấp dẫn. Sức hấp dẫn góp phần tạo nên sức mạnh mềm quốc gia. Và nguồn lực hình thành từ quá trình ấy lại có thể quay trở lại nuôi dưỡng di sản.

Đối với di sản Phật giáo Việt Nam, đây có thể là bước chuyển quan trọng từ tư duy giữ gìn những gì cha ông để lại sang một tầng nhận thức cao hơn: làm cho những gì cha ông để lại tiếp tục tạo ra giá trị cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Tinh thần Đại hội XIV về phát huy sức mạnh văn hóa và con người thành nguồn lực nội sinh, cùng với Luật Di sản văn hóa, Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa và những cơ chế mới của Nghị quyết 28/2026/QH16, đang tạo nên một hành lang chính sách thuận lợi cho bước chuyển đó.

Vấn đề còn lại là cách chúng ta hành động. Không đóng cửa di sản để bảo tồn. Không mở cửa di sản để khai thác bằng mọi giá. Mà làm cho mỗi giá trị được bảo tồn có khả năng sinh ra tri thức, sáng tạo, sinh kế, bản sắc và sức mạnh mềm; đồng thời để một phần giá trị mới được tạo ra trở lại nuôi dưỡng chính di sản. Khi làm được điều đó, bảo tồn di sản Phật giáo không còn chỉ là trách nhiệm đối với quá khứ. Đó là đầu tư cho tương lai, là tích lũy vốn văn hóa cho quốc gia và là một phương thức kiến tạo nguồn lực phát triển Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Tác giả: **Đặng Thị Khương** [1], **Trần Ngọc Anh** [2]

Tài liệu tham khảo:

Nghị quyết số 162/2024/QH15 ngày 27/11/2024 của Quốc hội về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa giai đoạn 2025-2035.

Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15, ngày 23/11/2024, có hiệu lực từ 1/7/2025.

Nghị quyết số 28/2026/QH16 về phát triển văn hóa Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 1/7/2026.

Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 7/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, ngày 23/1/2026.

Abstracst:

In the history of the Vietnamese nation, Buddhism has never been present merely as a religion. It has deeply participated in cultural life, thought, the arts, and society, leaving behind a rich system of heritage that encompasses pagodas, stupas, statues, steles, woodblocks, scriptures, rituals, festivals, music, the plastic arts, cultural landscapes, knowledge systems, and traditions of practice transmitted across generations.

For this reason, the conservation of Buddhist heritage today cannot be limited to the protection of architectural structures or archaeological artifacts alone. As the country enters a new phase of development - the era of national rise - a larger question arises: how can these preserved values continue to engage with contemporary life, nurture human development, shape identity, foster creativity, enhance national attractiveness, and become a soft power resource

for sustainable development?

This approach is also consistent with the developmental thinking established at the 14th National Congress of the Party and is gradually being institutionalized through new policy decisions of the National Assembly. From an object requiring protection to a resource for development.

Key words: Buddhism, Buddhist heritage, endogenous resources, soft power.

Chú thích:

[1] ThS. Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

[2] Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam, Học viên cao học Quản lý văn hóa Ứng dụng, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.